

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
HỆ CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ  
NGÀNH TÀI CHÍNH- NGÂN HÀNG**

**Chuyên ngành Tài chính (401-2)- 130 tín chỉ**

(Ban hành theo Quyết định số 112/QĐ-HVNH ngày 6/6/2011 của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

| TT                                                            | Mã học phần | Tên học phần                                                    | Số tín chỉ | Học phần tiên quyết |
|---------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------|------------|---------------------|
| <b>I. Phần kiến thức giáo dục đại cương (36 tín chỉ)</b>      |             |                                                                 |            |                     |
|                                                               |             | <b>a. Các học phần bắt buộc</b>                                 | <b>36</b>  |                     |
| 1                                                             | PLT01A      | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin I               | 3*         | Không               |
| 2                                                             | PLT02A      | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin II              | 3*         | PLT01A              |
| 3                                                             | PLT03A      | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam                  | 3*         | PLT04A              |
| 4                                                             | PLT04A      | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                            | 3*         | PLT02A              |
| 5                                                             | ENG01A      | Tiếng Anh I                                                     | 3*         | Không               |
| 6                                                             | ENG02A      | Tiếng Anh II                                                    | 3*         | ENG01A              |
| 7                                                             | MAT01A      | Toán Cao cấp                                                    | 3*         | Không               |
| 8                                                             | MAT02A      | Lý thuyết xác suất và thống kê toán                             | 3*         | IS01A, ECO02A       |
| 9                                                             | MAT03A      | Mô hình toán                                                    | 3          | MAT01A              |
| 10                                                            | LAW01A      | Pháp luật đại cương                                             | 3*         | Không               |
| 11                                                            | IS01A       | Tin học đại cương                                               | 3*         | Không               |
| 12                                                            | BUS03A      | Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình                               | 3          | Không               |
|                                                               |             | <b>b. Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất</b> |            |                     |
| 1                                                             | SPT01A      | Giáo dục quốc phòng                                             | 165 tiết   |                     |
| 2                                                             | SPT02A      | Giáo dục thể chất                                               | 3*         |                     |
| <b>II. Phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (94 tín chỉ)</b> |             |                                                                 |            |                     |
| <b>II.1 Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành (63 tín chỉ)</b>  |             |                                                                 |            |                     |
|                                                               |             | <b>Kiến thức cơ sở khối ngành</b>                               | <b>24</b>  |                     |
|                                                               |             | <b>a. Các học phần bắt buộc</b>                                 | <b>18</b>  |                     |
| 1                                                             | ECO01A      | Kinh tế vi mô                                                   | 3*         | Không               |
| 2                                                             | ECO02A      | Kinh tế vĩ mô                                                   | 3*         | Không               |
| 3                                                             | LAW02A      | Pháp luật kinh tế                                               | 3*         | LAW01A              |
| 4                                                             | ECO08A      | Kinh tế lượng                                                   | 3*         | MAT02A, ECO02A      |
| 5                                                             | ACT01A      | Nguyên lý kế toán                                               | 3*         | ECO02A              |
| 6                                                             | ACT11A      | Nguyên lý thống kê kinh tế                                      | 3*         | MAT02A              |
|                                                               |             | <b>b. Các học phần tự chọn</b>                                  | <b>6</b>   |                     |
|                                                               |             | <i>Sinh viên chọn 2 trong 5 học phần</i>                        | <i>6</i>   |                     |
| 1                                                             | ECO03A      | Kinh tế quốc tế                                                 | 3          | ECO02A              |
| 2                                                             | ECO04A      | Kinh tế phát triển                                              | 3          | ECO02A              |
| 3                                                             | ECO05A      | Kinh tế công cộng                                               | 3          | ECO02A              |
| 4                                                             | ECO06A      | Lịch sử học thuyết kinh tế                                      | 3          | ECO02A              |
| 5                                                             | ECO07A      | Lịch sử kinh tế quốc dân                                        | 3          | ECO02A              |
|                                                               |             | <b>Kiến thức ngành và bổ trợ</b>                                | <b>39</b>  |                     |
|                                                               |             | <b>a. Các học phần bắt buộc</b>                                 | <b>33</b>  |                     |
| 1                                                             | FIN01A      | Tài chính học                                                   | 3          | ECO02A              |
| 2                                                             | FIN09A      | Tiền tệ- ngân hàng                                              | 3*         | ECO02A              |
| 3                                                             | FIN03A      | Tài chính quốc tế                                               | 3*         | ECO02A              |
| 4                                                             | FIN13A      | Thị trường chứng khoán                                          | 3          | ECO02A              |
| 5                                                             | ENG03A      | Tiếng Anh III                                                   | 3          | ENG02A              |
| 6                                                             | ENG04A      | Tiếng Anh IV                                                    | 3          | ENG03A              |
| 7                                                             | FIN02A      | Tài chính doanh nghiệp I                                        | 3*         | FIN01A, ACT01A      |
| 8                                                             | ACT02A      | Kế toán tài chính I                                             | 3          | ACT01A              |
| 9                                                             | MGT02A      | Quản trị doanh nghiệp                                           | 3          | FIN01A, ACT01A      |
| 10                                                            | FIN05A      | Phân tích tài chính doanh nghiệp I                              | 3          | ACT02A              |

| TT                                                        | Mã học phần | Tên học phần                                                   | Số tín chỉ | Học phần tiên quyết |
|-----------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------|------------|---------------------|
| 11                                                        | FIN06A      | Thuế                                                           | 3          | FIN02A              |
|                                                           |             | <b>b. Các học phần tự chọn</b>                                 | <b>6</b>   |                     |
|                                                           |             | <i>Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần</i>                       | <b>3</b>   |                     |
| 1                                                         | FIN11A      | Thị trường tiền tệ                                             | 3          | FIN09A              |
| 2                                                         | FIN10A      | Ngân hàng trung ương                                           | 3          | FIN09A              |
|                                                           |             | <i>Sinh viên chọn 1 trong 4 học phần</i>                       | <b>3</b>   |                     |
| 1                                                         | ACT08A      | Kiểm toán căn bản                                              | 3          | ACT02A              |
| 2                                                         | MKT01A      | Marketing căn bản                                              | 3          | ECO02A              |
| 3                                                         | LAW03A      | Pháp luật ngân hàng                                            | 3          | LAW02A              |
| 4                                                         | LAW05A      | Pháp luật tài chính                                            | 3          | LAW02A              |
| <b>II.2. Kiến thức chuyên ngành (21 tín chỉ)</b>          |             |                                                                |            |                     |
|                                                           |             | <b>a. Các học phần bắt buộc</b>                                | <b>12</b>  |                     |
| 1                                                         | ACT13A      | Kế toán tài chính II                                           | 3          | ACT02A              |
| 2                                                         | FIN14A      | Phân tích và đầu tư chứng khoán                                | 3          | FIN02A              |
| 3                                                         | FIN04A      | Tài chính các công ty đa quốc gia                              | 3          | FIN02A, FIN03A      |
| 4                                                         | FIN21A      | Các công cụ tài chính phái sinh                                | 3          | FIN13A              |
|                                                           |             | <b>b. Sinh viên chọn một trong các hướng chuyên sâu:</b>       |            |                     |
|                                                           |             | <b>(1) Quản lý tài chính</b>                                   | <b>9</b>   |                     |
| 1                                                         | ACT03A      | Kế toán quản trị                                               | 3          | ACT02A              |
| 2                                                         | FIN25A      | Tài chính doanh nghiệp II                                      | 3          | FIN05A              |
| 3                                                         | FIN41A      | Phân tích tài chính doanh nghiệp II                            | 3          | FIN05A              |
|                                                           |             | <b>(2) Định giá tài sản</b>                                    | <b>9</b>   |                     |
| 1                                                         | FIN51A      | Nguyên lý chung về định giá tài sản                            | 3          | FIN02A              |
| 2                                                         | FIN50A      | Định giá bất động sản                                          | 3          | FIN05A              |
| 3                                                         | FIN08A      | Định giá doanh nghiệp                                          | 3          | FIN05A              |
|                                                           |             | <b>(3) Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp</b>                    | <b>9</b>   |                     |
| 1                                                         | FIN08A      | Định giá doanh nghiệp                                          | 3          | FIN05A              |
| 2                                                         | FIN28A      | Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp I                             | 3          | FIN51A              |
| 3                                                         | FIN43A      | Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp II                            | 3          | FIN51A              |
|                                                           |             | <b>(4) Kinh doanh chứng khoán</b>                              | <b>9</b>   |                     |
| 1                                                         | FIN12A      | Kinh doanh chứng khoán                                         | 3          | FIN08A              |
| 2                                                         | FIN16A      | Quản trị danh mục đầu tư                                       | 3          | FIN14A              |
| 3                                                         | LAW08A      | Pháp luật chứng khoán                                          | 3          | LAW02A, FIN13A      |
|                                                           |             | <b>(5) Quản lý quỹ</b>                                         | <b>9</b>   |                     |
| 1                                                         | FIN15A      | Quản lý quỹ                                                    | 3          | FIN14A              |
| 2                                                         | FIN16A      | Quản trị danh mục đầu tư                                       | 3          | FIN14A              |
| 3                                                         | FIN08A      | Định giá doanh nghiệp                                          | 3          | FIN05A              |
| <b>II.3. Khoá luận, chuyên đề tốt nghiệp (10 tín chỉ)</b> |             |                                                                |            |                     |
| 1                                                         | GRA01A      | Khoá luận tốt nghiệp                                           | 9          |                     |
| 2                                                         | GRA24A      | Thực hành phần mềm ứng dụng                                    | 1          |                     |
|                                                           |             | <b>Học phần bổ sung đối với sinh viên không viết khoá luận</b> |            |                     |
| 1                                                         | GRA21A      | Hoạt động của hệ thống tài chính Việt Nam                      | 3          |                     |
| 2                                                         | GRA13A      | Kỹ năng phân tích tài chính và đầu tư chứng khoán              | 3          |                     |
| 3                                                         | GRA31A      | Báo cáo thực tập tốt nghiệp                                    | 3          |                     |
| 4                                                         | GRA24A      | Thực hành phần mềm ứng dụng                                    | 1          |                     |

Giám đốc

PGS. TS. TÔ NGỌC HÙNG